

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 290/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 12/8/2024
V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tám

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Chi
Bà Thiều Thị Phi Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hoà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hoà tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thúy Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hoà xét xử sơ thẩm C khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1029/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 264/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Mai Thị Lan A, sinh năm 1994

Địa chỉ thường trú: khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ tạm trú: tổ lô B, khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Đỗ Trung Khánh C, sinh năm 1989.

Địa chỉ thường trú: Ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ tạm trú: đường N, khu phố C (Nay là khu phố A), phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Bà Lan A, ông C có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 4 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Mai Thị Lan A trình bày: Bà và ông Đỗ Trung Khánh C tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau, được Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 96, cấp ngày 04/6/2020. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì

phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Ông C vay mượn tiền của bạn bè, vay nặng lãi, cầm căn nhà hai vợ chồng đang ở, đến hạn trả nợ giang hồ đến nhà đòi nợ, tạt sơn đỏ nên bà phải về nhà mẹ ruột để sinh sống. Có lúc giang hồ còn gọi điện cho bà, người thân của bà và gọi đến cơ quan của bà để gây áp lực bà phải trả nợ cho ông C. Bà đã nhiều lần nói chuyện khuyên giải và cũng hỗ trợ trả nợ một phần cho ông C nhưng không mang lại kết quả. Trong khi đó, ông C không nói thật, không chia sẻ với bà. Ngoài ra, thời điểm bà sinh con, nuôi con nhỏ thì ông C không chia sẻ việc chăm sóc, nuôi dưỡng con đối với bà. Nay xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đỗ Trung Khánh C.

Về con chung: Có 01 con chung tên Đỗ Mai Minh T, sinh ngày 22/7/2021. Ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Tại Đơn khởi kiện, bà yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con 7.000.000 đồng/tháng. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, C khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa, bà thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng để phù hợp với điều kiện của ông C hiện nay.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình làm việc và tại phiên tòa, bị đơn ông Đỗ Trung Khánh C trình bày: Ông và bà Mai Thị Lan A tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, hôn nhân là tự nguyện. Ông thừa nhận những lời khai của bà Mai Thị Lan A về mâu thuẫn vợ chồng là đúng sự thật. Tuy nhiên, lý do ông không quan tâm được nhiều đến vợ con vì C việc của ông bận và phải tiếp xúc với hóa chất độc hại. Nay bà Lan A xin ly hôn thì ông không đồng ý vì ông vẫn còn tình cảm với bà Lan A và rất thương con. Ông mong muốn vợ chồng hàn gắn tình cảm để cùng nuôi dạy con. Ông sẽ cố gắng khắc phục những lỗi lầm trước đây với vợ con.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Đỗ Mai Minh T, sinh ngày 22/7/2021. Trường hợp bà A kiên quyết ly hôn thì ông đồng ý giao con chung là cháu Đỗ Mai Minh T cho bà A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị Lan A. Về con chung: đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung là cháu Đỗ Mai Minh T, sinh ngày 22/7/2021 cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông C cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng đến khi con

trưởng thành. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Mai Thị Lan A xin ly hôn ông Đỗ Trung Khánh C, ông C là bị đơn hiện đang cư trú tại thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

[2] Về việc giải quyết vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà A và ông C tự nguyện chung sống với nhau, được Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp chứng nhận đăng ký kết hôn số 96, cấp ngày 04/6/2020. Căn cứ Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định là hôn nhân hợp pháp.

2.2. Về yêu cầu xin ly hôn của bà A: Bà A khai, sau khi kết hôn bà và ông C sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông C không trung thực trong cuộc sống vợ chồng, không chia sẻ việc chăm sóc, nuôi dưỡng con với bà. Bị đơn ông C thừa nhận những lời khai của bà Mai Thị Lan A là đúng sự thật nhưng vì vẫn còn tình cảm với bà A và thương con nên ông không đồng ý ly hôn.

Tại Biên bản xác minh ngày 19/7/2024 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai thể hiện “Bà A và ông C là vợ chồng, trong quá trình sinh sống giữa bà A và ông C có xảy ra mâu thuẫn hay không thì địa phương không biết vì khi xảy ra mâu thuẫn bà A và ông C không báo với địa phương và các đương sự không có đơn đề nghị địa phương hòa giải mâu thuẫn vợ chồng”.

Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng bà A và ông C là có thật và hiện đã trầm trọng, được chính ông C thừa nhận. Ông C cho rằng vẫn còn tình cảm với bà A và không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã xảy ra từ năm 2021 nhưng cả hai không có giải pháp để vợ chồng hàn gắn tình cảm. Hiện nay, vợ chồng đã ly thân, bà Lan A xác định không còn tình cảm gì với ông C, mục đích hôn nhân không đạt, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, nên tiếp tục kéo dài tình trạng hôn nhân cũng không đem đến hạnh phúc cho nhau. Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn xin ly hôn của bà A, cho bà A được ly hôn với ông C để cả hai sớm ổn định cuộc sống.

2.3. Về con chung: Bà A và ông C có 01 con chung tên Đỗ Mai Minh T, sinh ngày 22/7/2021. Ly hôn bà A yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa, ông C trình bày, trường hợp bà A kiên quyết ly hôn thì ông đồng ý giao con chung là cháu Đỗ Mai Minh T cho bà A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà A, giao con chung cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Sau khi ly hôn, bà A, ông C có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Ông C (không trực tiếp nuôi con) có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của trẻ, khi cần thiết các bên được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

2.4. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2.5. Về nợ chung: Không có, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2.6. Về án phí: Bà Mai Thị Lan A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định. Ông Đỗ Trung Khánh C phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hoà phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ **Điều 8, 9, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;**

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Thị Lan A với bị đơn ông Đỗ Trung Khánh C về việc “Ly hôn”;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị Lan A, sinh năm 1994 được ly hôn ông Đỗ Trung Khánh C, sinh năm 1989.

2. Về con chung: Giao con chung Đỗ Mai Minh T, sinh ngày 22/7/2021 cho bà A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng : Ông C cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con 18 tuổi và có khả năng lao động. Nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt thực hiện theo quy định tại Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bà A, ông C có quyền, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Ông C (không trực tiếp nuôi con) được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của trẻ khi cần thiết các bên được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 84, 110, 118 Luật hôn nhân gia đình.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Không có, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí: Bà Mai Thị Lan A phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0003372 ngày 16/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, bà Lan A đã nộp xong án phí.

Ông Đỗ Trung Khánh C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa ;
- Nơi đăng ký kết hôn ;
- Lưu : HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Lê Thị Tám